

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 13 - 3 - 2024

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB - TA ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị L (sinh năm 1990, có mặt).

- Bị đơn: Anh Đặng Văn B (sinh năm 1987, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 13, xã Ph, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Chị (Lương Thị L) và anh Đặng Văn B kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K. Hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị chung sống hòa thuận, cho đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập vợ con. Hiện nay chị và anh B đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn. Chị yêu cầu được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 04 con chung là Đặng Phương Th, sinh ngày 18/9/2010; Đặng Phương Th1, sinh ngày 21/4/2013; Đặng Phương Tr, sinh ngày 30/9/2019 và Đặng Phương Tr2, sinh ngày 07/7/2021. Hiện nay các cháu đang sống với chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả 04 cháu đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Tr1 và cháu Tr2 mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/cháu/tháng).

- Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ: Chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần,**

nhưng anh Đặng Văn B không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2. Vì vậy, việc HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 47 BLTTDS; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Đặng Văn B;

+ Về con chung: Giao các cháu Đặng Phương Th1, sinh ngày 18/9/2010; Đặng Phương Th2, sinh ngày 21/4/2013; Đặng Phương Tr1, sinh ngày 30/9/2019 và Đặng Phương Tr2, sinh ngày 07/7/2021 cho chị Lương Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lương Thị L.

+ Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

+ Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Đặng Văn B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lương Thị L và anh Đặng Văn B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã khởi kiện yêu cầu ly hôn anh B và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng. Như vậy, tranh chấp giữa chị L và anh B là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị L và anh Đặng Văn B là hợp pháp. Theo trình bày của chị L về lý do xin ly hôn là do quan hệ hôn nhân giữa chị và anh B đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa

án đã tiến hành thông báo cho anh B đến để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng anh B không có mặt. Theo kết quả xác minh tại địa phương (BL số 25) thì thực tế giữa chị L và anh B có phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, chị L đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng ly hôn, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc chị L yêu cầu ly hôn anh B là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh B có 04 con chung là Đặng Phương Th, sinh ngày 18/9/2010; Đặng Phương Th1, sinh ngày 21/4/2013; Đặng Phương Tr, sinh ngày 30/9/2019 và Đặng Phương Tr2, sinh ngày 07/7/2021. Hiện nay các cháu đang sống với chị L. Chị L xin được nuôi cả 04 cháu đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Tr1 và cháu Tr2 mỗi tháng 4.000.000đ (2.000.000đ/cháu/tháng). Tòa án đã thông báo cho anh B về yêu cầu của chị L đối với việc nuôi con và cấp dưỡng (Thông báo số 20/2023/TB - TA ngày 25/12/2023, BL số 47), nhưng anh B không có ý kiến phản đối. HĐXX xét thấy:

+ Về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Các con chung của chị L và anh B đều dưới 18 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến đối với cháu Th1 và cháu Th1, các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy các con của chị L và anh B đều là con gái, nếu giao cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc phát triển bình thường về tâm sinh lý, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L.

+ Về cấp dưỡng: Do giao toàn bộ con chung cho chị L nuôi dưỡng nên việc chị L yêu cầu anh B cấp dưỡng là có căn cứ. Tuy nhiên, anh B làm nghề nông, không xác định được mức thu nhập thực tế, nên chị L yêu cầu anh B cấp dưỡng đối với 02 con nhỏ và yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng là không phù hợp. HĐXX xét cần buộc anh B cấp dưỡng cho chị L đối với cháu Đặng Phương Th2, sinh ngày 21/4/2013 và cháu Đặng Phương Tr2, sinh ngày 07/7/2021, mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu tương đương 01 tháng lương cơ sở.

- Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: Chị L chưa có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị L là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị L được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng Đặng Phương Th, sinh ngày 18/9/2010; Đặng Phương Th1, sinh ngày 21/4/2013; Đặng Phương Tr, sinh ngày 30/9/2019 và Đặng Phương Tr2, sinh ngày 07/7/2021, đến tuổi trưởng thành. Anh Đặng Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lương Thị L đối với cháu Đặng Phương Th2 và cháu Đặng Phương Tr2. Mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng)/tháng, kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Th2 và cháu Tr2 đủ 18 tuổi.

3. Về án phí:

Chị Lương Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2022/0002290 ngày 12/10/2023.

Anh Đặng Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Ea Tót, H. Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÙI NGỌC SAN